TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U M T** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2023/DS-ST

Ngày 11/4/2023

"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi, họ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Khởi**

2. Ông **Nguyễn Hoàng Hổ**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Út Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2023/QĐXX-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị A**,** sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H B, xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang

***Bị đơn*:** Bà Phạm Thị H; sinh năm 1976 vắng mặt

Địa chỉ: Ấp H B, xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà A có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Phạm Thị H làm chủ hụi, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: Ngày 24/9/2020 bà A có tham gia chơi dây hụi do bà H làm chủ hụi, có 21 phần, hụi 1.000.000 đồng/ tháng bà tham gia 01 phần, bà đã đóng hụi cho bà H được 09 lần với số tiền 6.360.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Ngày 25/01/2021 bà có tham gia chơi dây hụi do bà H làm chủ hụi, có 22 phần, hụi giá 1.000.000 đồng/tháng bà tham gia 01 phần bà A đã đóng hụi

cho bà H được 5 lần với số tiền 3.570.000 đồng. Tổng cộng: 9.930.000 đồng chưa tính lãi. Bà H đã trả 1.000.000 đồng hiện còn lại 8.930.000 đồng. Đến tháng 6/2021 bà H tuyên bố đình hụi, nhưng không trả tiền bà đã đóng hụi.

Nay bà Lê Thị A yêu cầu buộc bà Phạm Thị H trả số tiền bà A đã đóng hụi cho bà H còn nợ là 8.930.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 05/01/2023 Bị đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà H thừa nhận bà A đã đóng hụi cho bà được 9.930.000 đồng, bà đã trả được cho bà A số tiền 1.000.000 đồng. Nay bà còn nợ bà A số tiền là 8.930.000 đồng bà H xin trả dần trong 6 tháng sẽ trả dứt số tiền 8.930.000 đồng cho bà A do bà đang thiếu nợ rất nhiều người chưa có khả năng trả ngay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện bà H về tranh chấp nợ hụi. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, cho nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên hòa giải ngày 05/01/2023 Nguyên đơn bà Lê Thị A và bị đơn bà Phạm Thị H đã thống nhất được với nhau về số tiền bà H còn nợ bà A 8.930.000 đồng chỉ chưa thống nhất được phương pháp thanh toán.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bà H có trách nhiệm trả tiền nợ hụi là có căn cứ bởi lẽ: Bà A và bà H đã thống nhất được số tiền nợ hụi là 8.930.000 đồng do đó bà H có trách nhiệm trả cho bà A là đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Đối với yêu cầu xin trả dần của H, nhưng các nguyên đơn không đồng ý. Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành"*. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại án phí tạm ứng cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 351, 471 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 227,228, 271,273 và các Điều 26, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị A về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi.

3. Buộc bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị A số tiền: 8.930.000 đồng (Tám triệu chín trăm ba chục ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật các nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà Phạm Thị H không trả hoặc trả không dứt tiền nợ cho các nguyên đơn còn phải trả lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị H phải chịu án phí giá ngạch trên tổng số tiền trả cho nguyên đơn cụ thể: 8.930.000đồng x 5% = 446.500 đồng. Nguyên đơn không phải nộp án phí. Trả lại án phí tạm ứng cho bà Lê Thị A số tiền: 240.000 đồng theo lai thu số 0003486 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U M T.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (Niêm yết) Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh KG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi